

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-PT

Ngày 19 - 7 - 2021

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, bà Đinh Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLPT - DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 6 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. “Vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hà Đình H và chị Phạm Thị Mỹ D. Địa chỉ: Số nhà 118, tiểu khu 0, thị trấn H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. “Có mặt”.

2. Bị đơn: Ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy Vân. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. “Có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Trung V và bà Trần Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. “ Có mặt”.

Cháu Ngô Yến Ch. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. “Vắng mặt”. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trung T, bà Hoàng Thị Thúy V. “Có mặt”.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Gia đình bà P và ông L có một thửa đất tại tiểu khu , thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 006086 mang tên Ngô Bích P; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002389 QSD theo QĐ số 23/QĐ - UB ngày 16/01/1993 của UBND tỉnh Sơn La. Mảnh đất này có chiều rộng dọc theo đường Quốc lộ 6 là 15m và sâu vào khoảng 50m. Một bên giáp nhà ông V, một bên giáp bà T. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay gia đình bà chưa có nhu cầu sử dụng đất vẫn để trống. Phần danh giới đất trước đây được làm bằng hàng rào cây sống, sau này gia đình bà đã xây tường giao bao quanh để xác định danh giới với các hộ khác và không có ai có ý kiến gì.

Năm 2003, bố mẹ đẻ của bà P là ông Ngô Trung V và bà Trần Thị L dự định làm nhà. Ông L và bà P đã bàn bạc thống nhất biểu ông bà VL 5m đất dọc theo đường quốc lộ 6 ở phần diện tích đất mà ông bà P L được cấp như đã trình bày ở trên. Vị trí thửa đất cho ông bà VL là ở giữa khu đất, mục đích cho là để ông bà V L làm nhà ở. Tuy nhiên, ông bà V L không ra phần đất ông bà P L dự định cho làm nhà mà vẫn ở nhà cũ. Sau đó ông bà có nói là ông bà không liên quan gì đến nữa. Việc tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất của bà P L cho ông bà VL được các bên thỏa thuận hủy, không thực hiện.

Sau đó ông T là em trai của bà P chuyển từ Mường La ra không có nhà ở nên ông bà P L lại tiếp tục cho ông T mượn phần diện tích đất 5m (phần đất trước đây dự định cho ông bà VL) để ông T làm nhà ở. Ngôi nhà này hiện có địa chỉ là số nhà 496, tiểu khu 2, thị trấn Hát Lót). Đến năm 2010, ông T ly hôn vợ cũ là bà L và kết hôn với bà V. Sau khi kết hôn, hai người không ở ngôi nhà cũ đã mượn của ông bà PL mà lại tiếp tục trao đổi để mượn nốt 5m còn lại giáp bên bà T để làm một ngôi nhà cấp 4. Việc mượn đất chỉ trao đổi bằng miệng giữa ông L với ông T. Còn bà P không biết gì. Sau khi làm nhà ông T và bà V đã về ngôi nhà mới xây mượn trên đất của gia đình ông bà P Luyên để ở (địa chỉ của ngôi nhà là số nhà 498, tiểu khu 2, thị trấn Hát Lót). Còn ngôi nhà cũ đã xây ở phần giữa đất nhà ông bà P L trước đây ông T ở với vợ cũ thì năm 2017 ông bà P L đã trả lại cho ông T 15.000.000đ tiền công trình xây dựng trên đất để lấy lại phần 5m diện tích đất này.

Đến năm 2012 ông T bà V đã hỏi mua phần đất còn lại đã mượn năm 2010 của gia đình. Gia đình bà P L cũng đồng ý bán nhưng việc mua bán chỉ dừng lại với việc trao đổi bằng lời nói với nhau. Trên thực tế các bên cũng chưa bàn bạc cụ thể về giá cả, ông bà TrV cũng chưa trả tiền cho gia đình P L. Từ thời điểm đó đến nay ông T, bà V không có thêm bất cứ ý kiến gì khác với gia đình để mua đất hay trả lại đất.

Năm 2014, nhà nước tiến hành đo đạc đất, phần diện tích đất này thể hiện

vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng và nằm trong bìa đất được cấp cho ông L bà Ph.

Đến năm 2017 gia đình bà PL đã yêu cầu gia đình ông T bà V trả lại phần diện tích đất trên cho gia đình để gia đình sử dụng vì gia đình không bán nữa. Tuy nhiên, gia đình ông T vẫn không trả lại đất cho gia đình. Gia đình bà P đã làm đơn đề nghị ủy ban nhân dân thị trấn Hát Lót để giải quyết vụ án. Ban quản lý tiểu khu cũng đã hòa giải cho các bên nhưng ông T cũng không chứng minh được việc sử dụng đất hợp pháp nhưng vẫn cố tình không trả đất. Vì vậy, bà P, ông L yêu cầu ông T và bà V phải trả lại đất cho ông L, bà P. Gia đình sẽ bồi thường phần tài sản trên đất cho ông T, bà V.

Bị đơn ông Ngô Trung T, bà Hoàng Thị Thúy V trình bày:

Năm 2004 gia đình ông bà có mượn 4m đất của ông bà P L làm nhà cấp 4 số nhà 496 (vị trí ở giữa mảnh đất của ông bà PL). Vị trí thửa đất mượn cách nhà ông T 5m, cách nhà ông V 6m. Đến năm 2017, ông T và bà V đã trả lại đất cho ông bà P L. Các bên có thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản trên đất. Ông bà P L đã trả cho ông T và bà V là 15.000.000đ.

Năm 2010 ông T cũng có xây một ngôi nhà trên một phần diện tích đất giáp với nhà ông T tổng là 72,5m² (chiều rộng theo mặt đường quốc lộ 6 là 5m) liền kề ngay mảnh đất ông T mượn của ông bà P L trước đó. Đất này có nguồn gốc và vẫn nằm trong bìa đất của ông bà P L. Năm 2003 anh chị P L đã biếu bố mẹ ông là ông bà V bà L. Sau đó năm 2010 bố mẹ ông T đã giao cho ông T mảnh đất này để ông làm nhà trên đất. Sau đó ông cũng nghe ông V nói là ông bà PL muốn xin lại đất. Nếu ông bà muốn lấy lại thì ông T cũng sẽ trả nhưng phải đền bù tài sản trên đất cho gia đình ông T. Cụ thể về chênh lệch giá đất yêu cầu phải đền bù cho ông khoảng 1 tỷ đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Trung V và bà Trần Thị L trình bày:

Chị Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và anh Ngô Trung T là con đẻ của ông bà. Khoảng thời gian năm 1984 đến năm 1985 thì chị P kết hôn với anh Hà Đình L. Anh chị PL lúc đó có thửa đất của nông trường Tô Hiệu, vị trí thửa đất ở tiểu khu 2, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, chiều rộng mặt đường quốc lộ 6 là 15m, còn sâu vào bao nhiêu mét thì ông bà không biết chính xác. Khi vợ chồng ông bà có ý định làm nhà thì vợ chồng P L có chủ động nói là biếu bố mẹ 5m rộng mặt đường ở khu vực này để ông bà làm nhà. Nhưng ông V và bà L không làm nhà trên đất của các con mà vẫn làm nhà ở khu vực hiện tại mà ông bà đang ở là tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vì sợ Nhà nước và Nông trường thu hồi đất nên chị P và anh L cho ông bà 5m rộng theo mặt đường quốc lộ 6 ở vị trí giữa khu đất. Khi cho thì các con PL cũng không lập thành văn bản giấy tờ gì, vào năm nào thì ông bà không nhớ rõ. Khi ông bà không làm nhà trên đất thì cũng không thấy nhà P L đòi lại đất. Vì không ở trên đất các con P L cho nên năm 2004 khi đó con trai ông bà là Ngô Trung T

có xin phép tôi làm nhà trên đất đó. Ông V có nói là anh chị P L có cho một mảnh đất. Nếu muốn làm nhà ở đó thì xuống bàn bạc với anh chị P L. Sau rồi thì các con bàn bạc như thế nào thì chúng tôi không biết cụ thể. Anh T cũng làm nhà trên đó. Ở được một thời gian thì anh T bỏ vợ cũ (chị L) và kết hôn với vợ mới là chị V. Năm 2010, anh T tiếp tục xây dựng một ngôi nhà trên đất của chị P giáp ngôi nhà đã làm năm 2004. Khi làm nhà anh T có mời ông Vi đến làm thủ tục động thổ. Việc làm nhà như thế nào trao đổi giữa anh T và anh chị P L ra sao ông bà VL không hề biết. Cả hai lần làm nhà của anh T, ông bà VL đều không bàn giao đất cho anh T, mà chỉ nói anh T cần bàn bạc cụ thể với gia đình anh chị P L. Đối với ngôi nhà xây dựng năm 2004, anh T đã trả lại đất cho anh chị PL, anh chị PL trả cho vợ chồng T V là 15.000.000đ tiền nhà.

Tại Bản án dân sự thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 6/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định áp dụng Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 97, Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L.

Buộc: Hộ gia đình ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V trả lại cho bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L quyền sử dụng 104,8m² (đã trừ hành lang giao thông). Đất thuộc một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ F48-101-174-3 được đo đạc năm 1995. Tứ cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp Quốc lộ 6 rộng 4,83m,
- Phía Tây Nam giáp đất ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V dài 21,7m.
- Phía Đông Nam giáp đất bà Ngô Bích P và ông Hà Đình L đang sử dụng rộng 4,83m.
- Phía Đông Bắc giáp đất bà Ngô Bích P và ông Hà Đình L đang sử dụng dài 21,7m. (có sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2021).

Bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L được sở hữu công trình xây dựng gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà xây 01 tầng; tường chịu lực 10, mái lợp tôn, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic có diện tích 4,83m x 14,2m = 68,6m²) trong đó có phần diện tích xây dựng thuộc hành lang giao thông là 0,5m x 4,83m = 2,4m². Phần bán mái phía trước (nằm trong hành lang giao thông) có diện tích 2m x 4,83m = 9,66m²; phần bán mái phía sau nhà có diện tích 1,6m x 4,83m = 7,728m².

Bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L phải trả cho ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V giá trị công trình xây dựng trên đất là 87.381.000đ.

Ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông bà P L toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 3.450.000đ.

Sau khi bù trừ nghĩa vụ bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L phải trả cho ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V số tiền là 83.931.000đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyết định án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/4/2021 bị đơn ông Ngô Trung T có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Yêu cầu xác định hiệu lực về giao dịch bố mẹ ông T được bà P biếu tặng từ năm 2002. Xác định hiệu lực giao dịch thứ hai vào năm 2013 về việc xin lại đất đã biếu tặng vào năm 2002 có đúng với quy định của pháp luật không. Việc áp giá đối với công trình xây dựng của Hội đồng định giá sơ thẩm không đúng quy định.

Ý kiến tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Không chấp nhận ý kiến của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phần diện tích đất tranh chấp đã được gia đình P L tặng cho vợ chồng ông bà V L nên thuộc quyền sở hữu của ông bà. Ông bà đồng ý cho vợ chồng T V trả lại đất ông bà chứ không phải trả lại đất cho vợ chồng P L. Diện tích đất tranh chấp phải được ông bà định đoạt.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Xét giao dịch dân sự được xác lập giữa ông bà PL và ông bà VL: Khoảng thời gian năm 2003, 2004 ông bà PL và ông bà VL đều xác nhận có nội dung ông bà PLhứa tặng cho ông bà VLMột phần diện tích thuộc thửa đất ông bà đã được cấp GCNQSDĐ để làm nhà ở. Việc tặng cho không được lập thành

văn bản, các bên chưa bàn giao đất cho nhau cũng như sử dụng đất. Đến năm 2012, giữa ông bà PL và ông bà VL đã xác nhận lại với nhau về việc chấm dứt hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, việc xác nhận chỉ được thể hiện bằng lời nói. Tại cấp sơ thẩm ông bà VL không có yêu cầu gì đối với diện tích đất được tặng cho. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông bà V L đề nghị được công nhận quyền sở hữu đối với diện tích đất được tặng cho cũng là phần diện tích đất đang tranh chấp. Xét thấy, ông bà VL không đưa được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc tặng cho quyền sử dụng đất, ông bà cũng không biết vị trí diện tích đất được tặng cho, mọi giao dịch chỉ được thể hiện bằng lời nói. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chưa phát sinh hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 1995. Do vậy, giao dịch dân sự giữa ông bà PL và VL là vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 1995.

[2] Xét quá trình sử dụng đất của ông Ngô Trung T: Năm 2004, ông T đã làm nhà tại diện tích đất của ông bà P L tặng cho ông bà VL. Năm 2010, ông T tiếp tục xây một ngôi nhà trên diện tích đất liền kề với mảnh đất đã xây vào năm 2004 và sinh sống trên mảnh đất đó từ khi xây dựng cho đến nay. Đến năm 2017, ông T đã trả lại phần diện tích đất xây năm 2004 cho ông bà P L và nhận 15.000.000đ giá trị công trình xây dựng trên đất. Đến năm 2020, khi ông bà P L yêu cầu ông bà TV trả lại phần diện tích đang ở xây dựng vào năm 2010 thì xảy ra tranh chấp. Ông Tr cho rằng diện tích đất ông đang sử dụng cũng thuộc phần diện tích đất ông bà P L tặng cho ông bà VL năm 2004 nên ông chỉ đồng ý trả lại đất cho ông bà VL, ông không phải là người mượn đất của ông bà P L mà không trả. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất của ông bà PL và ông bà VL là vô hiệu. Diện tích đất ông T đang sử dụng thuộc quyền sở hữu của ông bà PL theo GCNQSDĐ số B006086 mang tên Ngô Bích P, quyết định cấp GCNQSDĐ số 23/QĐ – UB ngày 16/01/1993. Ngoài ra, giữa ông bà PL và ông bà VL không còn thỏa thuận tặng cho nào khác được xác lập nên đối với ý kiến của ông T đề nghị công nhận phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà VL là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Ngô Trung T về việc áp giá đối với công trình xây dựng của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm không đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy việc định giá của cấp sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tr không yêu cầu định giá lại theo biên bản làm việc ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nên không có cơ sở để xem xét. Việc xây dựng nhà trên đất của ông T ông bà P L có biết nhưng không có ý kiến gì từ lúc xây dựng đến lúc xảy ra tranh chấp nên cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà P L buộc gia đình ông T bà V phải trả lại diện tích đất đang sử dụng và được bồi thường giá trị tài sản trên đất là 87.381.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Trung T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Trung T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Trung T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 6/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L.

Buộc: Hộ gia đình ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V trả lại cho bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L quyền sử dụng 104,8m² (đã trừ hành lang giao thông). Đất thuộc một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ F48-101-174-3 được đo đạc năm 1995. Tứ cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp Quốc lộ 6 rộng 4,83m.
- Phía Tây Nam giáp đất ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V dài 21,7m.
- Phía Đông Nam giáp đất bà Ngô Bích P và ông Hà Đình L đang sử dụng rộng 4,83m.
- Phía Đông Bắc giáp đất bà Ngô Bích P và ông Hà Đình L đang sử dụng dài 21,7m. (có sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2021).

Bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L được sở hữu công trình xây dựng gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà xây 01 tầng; tường chịu lực 10, mái lợp tôn, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic có diện tích 4,83m x 14,2m = 68,6m² trong đó có phần diện tích xây dựng thuộc hành lang giao thông là 0,5m x 4,83m = 2,4m². Phần bán mái phía trước (nằm trong hành lang giao thông) có diện tích 2m x 4,83m = 9,66m²; phần bán mái phía sau nhà có diện tích 1,6m x 4,83m = 7,728m².

Bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà Đình L phải trả cho ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V giá trị công trình xây dựng trên đất là 87.381.000 đồng (*tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn*).

Ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông bà PL toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 3.450.000 đồng (*ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Sau khi bù trừ nghĩa vụ bà Ngô Thị Bích P (Ngô Bích P) và ông Hà

Đình L phải trả cho ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V số tiền là 83.931.000 đồng (*tám mươi ba triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn*). Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật khi ông Ngô Trung T và bà Hoàng Thị Thúy V có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bà Ngô Thị Bích P và ông Hà Đình L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Ngô Thị Bích P và ông Hà Đình L phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Ngô Trung T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000484 ngày 9/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2021).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan

Cầm Văn Thanh

Đỗ Tuấn Long

